

QUỸ ETF MAFM VN30

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 747/2023/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2023
 Hanoi, day 10 month 08 year 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
 GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER
 EXCHANGE TRADING**

Kính gửi/To: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*
 Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *State Securities Commission*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
 - Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
 - Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF MAFM VN30
 - Mã chứng khoán/ *Securities symbols*: FUEMAV30
 - Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 09/08/2023
 - Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF /Unit: 1 *ETF Creation Unit* = 100,000 *ETF certificates*
- Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component*:

STT <i>Order</i>	Mã chứng khoán <i>Securities symbol</i>	Số lượng <i>Volume</i>	Tỷ lệ % trong danh mục <i>Weighting</i>
I.	Chứng khoán/ <i>Stock</i>		
1	ACB	3900	6.2%
2	BCM	100	0.5%
3	BID	200	0.7%
4	BVH	100	0.3%
5	CTG	800	1.8%
6	FPT	1300	7.4%
7	GAS	100	0.7%
8	GVR	200	0.3%
9	HDB	2400	2.8%
10	HPG	3700	6.8%
11	MBB	3300	4.3%
12	MSN	700	4.2%
13	MWG	1300	4.7%
14	PLX	100	0.3%
15	POW	700	0.7%
16	SAB	100	1.1%
17	SHB	3400	3.1%
18	SSB	1700	3.5%
19	SSI	1200	2.4%
20	STB	2200	4.4%
21	TCB	2700	6.2%
22	TPB	1500	1.9%
23	VCB	700	4.3%
24	VHM	1300	5.5%
25	VIB	1500	2.2%
26	VIC	1300	5.9%
27	VJC	300	2.1%
28	VNM	1000	5.1%
29	VPB	5400	8.1%
30	VRE	1100	2.3%
II.	Tiền / <i>Cash (VND)</i>	2,376,080	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value*:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: 1,472,225,000 VND

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: 1,474,601,080 VND

+ Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Spread in value*: 2,376,080 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to reduce the spread*:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason:*

STT No	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	ACB	23,400	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	48,650	BSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC
3	BVH	47,550	BVSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC
4	FPT	84,200	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	HDB	17,350	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	MBB	19,200	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
7	MWG	53,600	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
8	TCB	34,000	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
9	VIB	21,200	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)
State if component securities shall have corporate action:
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations:*

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 09/08/2023	Kỳ trước/Last period (**) 01/08/2023	Chênh lệch/ Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Issued shares</i>	27,200,000	27,200,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ <i>Closing price</i>	14,660	14,450	210
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net Asset Value at Valuation Date</i>			
- của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	401,091,493,711	396,254,399,708	4,837,094,003
- của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF Creation Unit</i>	1,474,601,080	1,456,817,646	17,783,434
- của 1 CCQ/ <i>per share</i>	14,746.01	14,568.17	177.84
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,239.84	1,222.18	17.66

(*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ *Item 5 is net asset value at 08/08/2023*

(**) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ *Item 5 is net asset value at 31/07/2023*



Tổng Giám Đốc kiêm đại diện pháp luật

CEO and legal representative

Soh Jin Wook